

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2022/KDTM-ST**
Ngày: 28/7/2022
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Công Danh**

Bà **Huỳnh Thị Kim Kiên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Bà **Nguyễn Thuý D** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 98/2022/TLST-KDTM ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S.

Trụ sở: Số 46-48, đường N, phường A, thành phố T, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Hoàng T** – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Huỳnh Thị Ngọc H**, sinh năm 1981 và bà **Phan Thị Ánh D**, sinh năm 1997.

Địa chỉ liên lạc: Số 46-48, đường N, phường A, thành phố T, thành phố H.

Theo giấy uỷ quyền số 58 ngày 27/06/2022.

- Bị đơn: Công ty TNHH xây dựng P.

Trụ sở: Số 420/20/22, đường N, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Diệp Hoàng A**, sinh năm 1980 – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

Địa chỉ: Số 420/20/22, đường N, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đ

(Bà H, bà D, bà A vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/12/2019 giữa Công ty Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty Siêu Thị T) - Bên bán và Công ty TNHH Xây dựng P (sau đây gọi tắt là Công ty P) - Bên mua đã ký kết Hợp Đồng kinh tế số 1076/2019/HĐKT/TGN-VHT về việc mua bán bê tông thương phẩm phục vụ thi công công trình Nhà xưởng Xí Nghiệp Cơ Điện tại đường số 6, KCN Long Khánh, tỉnh Đ.

Từ khi giao kết hợp đồng, Công ty Siêu Thị T đã bắt đầu cấp bê tông cho Công ty P và xuất các Hóa đơn GTGT cho Công ty P làm cơ sở thanh toán, với tổng số tiền tính theo đơn giá trên hợp đồng là: 1.434.320.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm ba mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng). Tính đến hết ngày 29/04/2020 Công ty P đã thanh toán cho Công ty Siêu Thị T với tổng số tiền là: 1.144.810.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm bốn mươi bốn triệu, tám trăm mười nghìn đồng). Số tiền còn lại mà Công ty P chưa thanh toán cho Công ty Siêu Thị T là: 289.510.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi chín triệu, năm trăm mười nghìn đồng).

Nay Công ty Siêu Thị T khởi kiện yêu cầu Công ty P có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Siêu Thị T số tiền nợ gốc là: 289.510.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi chín triệu, năm trăm mười nghìn đồng) và tiền lãi trả chậm thanh toán tính theo lãi suất 1.5%/tháng tạm tính đến ngày 28/7/2022 là: 113.922.185 đồng (Bằng chữ: một trăm mười ba triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn, một trăm tám mươi lăm đồng). Tổng số tiền gốc và tiền lãi trả chậm thanh toán tạm tính đến ngày 28/7/2022 là: 403.432.185 đồng (Bằng chữ: bốn trăm linh ba triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, một trăm tám mươi lăm đồng). Lãi trả chậm thanh toán sẽ tiếp tục tính cho đến khi Công ty P thanh toán xong công nợ.

Ngoài ra, không trình bày gì thêm, không có tài liệu, chứng cứ gì khác để nộp và cũng không có yêu cầu gì. Bà H và bà D đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình xét xử tại Tòa án.

- Đại diện bị đơn trình bày: vắng mặt nên không có ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH xây dựng P phải thanh toán cho Công ty cổ phần S số tiền 289.510.000 đồng và tiền lãi trả chậm thanh toán tính theo lãi suất 1.5%/tháng tạm tính đến ngày 28/7/2022 là: 113.922.185 đồng. Tổng số tiền gốc và tiền lãi trả chậm thanh toán tạm tính đến ngày 28/7/2022 là: 403.432.185 đồng. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả traA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đại diện bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền của Tòa án:

Công ty TNHH xây dựng P có trụ sở tại: Số 420/20/22, đường N, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố B.

[4] Về xác định tư cách đương sự:

Công ty cổ phần S khởi kiện Công ty TNHH xây dựng P nên căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định Công ty cổ phần S là nguyên đơn, Công ty TNHH xây dựng P là bị đơn.

[5] Về thời hiệu khởi kiện: Đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, nên không xem xét.

[6] Về nội dung vụ án:

Trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH xây dựng P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ rất nhiều lần các văn bản tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc, cũng không cung cấp được văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 6, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 1076 ngày 16/12/2019 và bản xác nhận công nợ giữa Công ty TNHH xây dựng P và Công ty cổ phần S thì thực tế giữa các bên có ký kết hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm phục vụ thi công công trình và hiện Công ty TNHH xây dựng P còn nợ Công ty cổ phần S số tiền gốc là 289.510.000 đồng. Nay Công ty cổ phần S khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH xây dựng P thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh theo thoả thuận tại hợp đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 147, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 24, 306 Luật thương mại 2005.

Áp dụng Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” với Công ty TNHH xây dựng P.

Buộc Công ty TNHH xây dựng P phải thanh toán cho Công ty cổ phần S tổng số tiền là: 403.432.185 đồng (Bốn trăm linh ba triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, một trăm tám mươi lăm đồng), trong đó số tiền gốc là 289.510.000 đồng và tiền lãi trả chậm thanh toán tính theo lãi suất 1.5%/tháng tạm tính đến ngày 28/7/2022 là: 113.922.185 đồng.

2. Về án phí: Công ty TNHH xây dựng P phải chịu 20.137.000 đồng (Hai mươi triệu một trăm ba mươi bảy ngàn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 8.555.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000735 ngày 16/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP B;
- Chi cục THADS TP B;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Cẩm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trung Diễn

Thiều Thị Phi Loan

Trần Thị Cẩm